

Bản án số: **98/2024/DS-ST**
Ngày: 17/7/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàng.
- Bà Phạm Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 27/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công Ty TNHH Đ1.

Địa chỉ: B C, Nguyễn Văn T, khu phố C, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Lê Bảo T1, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông **Phạm Quang H**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Ông **Trần Minh T2**, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông H, ông T2 có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 16/7/2024

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông Phạm Văn C có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 11/6/2024.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị Đ có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 16/7/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 26/10/2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/4/2024, Bản tự khai, Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH Đ1 là ông Phạm Quang H, ông Trần Minh T2 trình bày như sau:*

Năm 2014, Công ty TNHH Đ1 (Công ty) có thỏa thuận mua bán thức ăn, thuốc thủy sản với ông Phạm Văn C. Đến ngày 04/7/2016, hai bên quyết toán công nợ, ông C còn nợ Công ty số tiền 79.303.750 đồng. Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho công ty nhưng ông C vẫn không trả. Đến ngày 10/6/2023, hai bên tiếp tục lập biên bản xác nhận công nợ, ông C thừa nhận còn nợ Công ty số tiền 79.303.750 đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Bà Trần Thị Đ là vợ của ông Phạm Văn C, việc mua thức ăn, thuốc tôm để nuôi tôm, có thu nhập thì sử dụng vào mục đích chung gia đình. Do đó, Công ty TNHH Đ1 khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 79.303.750 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 04/7/2016 đến ngày xét xử (17/7/2024) là 96 tháng 13 ngày với số tiền 63.729.364 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 143.033.114 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn một trăm mười bốn đồng).

** Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2024, 15/3/2024, 11/6/2024, bị đơn ông Phạm Văn C trình bày như sau:*

Trước đây, ông có mua thức ăn, thuốc thủy sản của Công ty TNHH Đ1. Ông thừa nhận còn nợ Công ty số tiền nợ là 79.303.750 đồng. Tuy nhiên, do nuôi tôm nhiều năm thua lỗ nên vẫn không trả được nợ cho Công ty. Qua yêu cầu của Công ty thì ông đồng ý trả nhưng khi nào có tiền thì sẽ trả ngay cho Công ty, hiện ông không có khả năng trả. Đối với số tiền lãi mà Công ty yêu cầu thì ông không đồng ý vì khi đang hợp tác làm ăn, do ông nợ không thanh toán nên Công ty ngưng cung cấp thức ăn cho ông, ông phải đi tìm nơi khác để hợp tác nên ông không đồng ý yêu cầu tính lãi này của Công ty.

Đối với yêu cầu vợ ông là bà Trần Thị Đ liên đới trả nợ thì ông không đồng ý vì việc mua bán thức ăn là do ông trực tiếp mua bán với Công ty, vợ ông không biết. Hiện quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Trần Thị Đ vẫn còn. Việc mua thức ăn, thuốc thủy sản của Công ty để nuôi tôm, khi có lợi nhuận thì dùng để tiêu xài trong gia đình, ăn uống hàng ngày và nuôi con ăn học.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tổng đạt hợp lệ cho bà Trần Thị Đ các văn bản tố tụng nhưng bà Đ vắng mặt không lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án mặc dù bà Đ vẫn còn sinh sống tại địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Trần Thị Đ.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn bà Trần Thị Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành tốt nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ1 đối với ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ. Buộc ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH Đ1 số tiền nợ thức ăn gồm lãi và gốc là 143.033.114 đồng, trong đó, nợ gốc là 79.303.750 đồng, nợ lãi là 63.729.364 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH Đ1 khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền nợ thức ăn thủy sản với số tiền 79.303.750 đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú bị đơn được Công an xã T xác nhận thì ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ có đăng ký thường trú tại ấp B, xã T, huyện B và đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Tại phiên tòa, các đương sự đều có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp.

- Về nội dung vụ án:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ1 yêu cầu ông Phạm Văn C phải trả số tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản là 79.303.750 đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Cơ sở chứng cứ gồm:

- Biên bản xác nhận công nợ ngày 10/6/2023;
- Giấy nhận nợ ngày 04/7/2016;

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn C thừa nhận còn nợ Công ty TNHH Đ1 số tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản là

79.303.750 đồng. Đây là sự thừa nhận của các đương sự, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vậy, Công ty TNHH Đ1 khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn C phải có nghĩa vụ trả tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản 79.303.750 đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và phù hợp quy định pháp luật tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu liên đới trả nợ: Công ty TNHH Đ1 khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Văn C và bà Trần Thị Đ vẫn còn. Mục đích việc mua thức ăn, thuốc thủy sản để nuôi tôm, khi có lợi nhuận thì phục vụ cho việc tiêu xài trong gia đình, ăn uống hằng ngày và nuôi con ăn học.

Do đó, yêu cầu ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản của Công ty TNHH Đ1 là phù hợp với quy định tại Điều 280, 288 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH Đ1 yêu cầu tính lãi suất chậm trả số tiền trên từ ngày 04/7/2016 đến ngày xét xử 17/7/2024.

Xét thấy, ông Phạm Văn C và Công ty TNHH Đ1 đã xác nhận công nợ vào ngày 04/7/2016.

Tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau:

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Do đó, yêu cầu tính lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 04/7/2026 của Công ty TNHH Đ1 là phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể: 79.303.750 đồng x 96 tháng 13 ngày (04/7/2016 -17/7/2024) x 10%/năm = 63.729.364 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

Vậy, tổng cộng số tiền mà cầu ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH Đ1 là 143.033.114 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn một trăm mười bốn đồng), trong đó, nợ gốc là 79.303.750 đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng), tiền lãi là 63.729.364 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty TNHH Đ1 không phải chịu án phí và ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí. Tuy nhiên, ông C là thương binh, bà Đ là người cao tuổi và có Đơn xin miễn giảm án phí Tòa án nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 288, 351, 353, 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 144, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ1 đối với ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

2. Buộc ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH Đ1 số tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản là 143.033.114 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn một trăm mười bốn đồng), trong đó, nợ gốc là 79.303.750 đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm lẻ ba nghìn

bảy trăm năm mươi đồng), tiền lãi là 63.729.364 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Đ được miễn án phí theo quy định.

H1 lại cho Công ty TNHH Đ1 số tiền án phí đã nộp là 3.419.974 đồng (Ba triệu bốn trăm mười chín nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003270 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ